

Số: 831 /QĐ-STTNSV

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước
của Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-VHL ngày 01/03/2013 của chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Viện Sinh thái và TNSV.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo Quyết định số 2595/QĐ-VHL ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2020;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán năm 2020;

Xét đề nghị của trưởng phòng Quản lý tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý III năm 2020 của Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp, các đơn vị và bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện HLKHCNVN (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 046

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ II/2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III/2020 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	35.438,50	18.844,52	53,2%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	34.948,50	18.844,52	53,9%	
1	Chi quản lý hành chính	-	0,00		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III/2020 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.348,50	17.513,52	57,7%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	7.280,00	4.617,83	63,4%	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	5.150,00	2.668,39	51,8%	571,8%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	2.130,00	1.949,44	91,5%	193,3%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (bao gồm cả các khoản kinh phí chi thường xuyên khác)	13.748,50	8.949,73	65,1%	155,6%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.320,00	3.945,95	42,3%	1201,3%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	0,00		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	0,00		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi đảm bảo xã hội	-	0,00		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp kinh tế	1.100,00	564,70	51,3%	59,5%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.100,00	564,70	51,3%	59,5%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.500,00	198,40	7,9%	129,3%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.500,00	198,40	7,9%	129,3%
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.000,00	567,90	56,8%	236,0%
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.000,00	567,90	56,8%	236,0%
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	0,00		
II	Nguồn viện trợ	490,00	0,00	0,0%	0,0%
1	Chi quản lý hành chính	-			
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	490,00	0,00	0,0%	0,0%
2,1	Dự án ARES	490,00	0,00	0,0%	0,0%
2,2	Dự án B				

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



★ Nguyễn Văn Sinh